Danh mục vật tư dự phòng, thay thế cho các thiết bị điện phục vụ BDSCTX và BDSCĐK năm 2026 - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

(Đính kèm công văn số ...559.../NMĐTB2-TM ngày ..04./4/2026)

STT	Mã chuẩn	Tên hàng hóa/	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	31552024	Expanda cable	TYPE: IK555 (RH) Part no. 353430-0045 VOLTAGE RATING: 690/1000V NUMBER CORE: 4x2.5mm2 INSULATION MATERIAL: XLPE/LSZH/GSWA/LSZH LENGTH: Travel: 16000mm CONDUCTOR MATERIAL: Cu Bản vẽ: TB2-SDC VP101-00HCB-M-M1A-MAN-0001 & TB2-SDC VP101-00HCB-E-M1A-DAS-0002	Diamond power	Cuộn	**10**	Báo Giá
2	31552015	Expanda cable	TYPE: IK555 (LH) Part no. 353430-0045 VOLTAGE RATING: 690/1000V NUMBER CORE: 4x2.5mm2 INSULATION MATERIAL: XLPE/LSZH/GSWA/LSZH LENGTH: Travel: 16000mm CONDUCTOR MATERIAL: Cu Bản vẽ: TB2-SDC VP101-00HCB-M-M1A-MAN-0001 & TB2-SDC VP101-00HCB-E-M1A-DAS-0002	Diamond power	Cuộn	**10**	Báo Giá
3	31552025	Expanda cable	TYPE: IK545EL (LH) Part no.347354-0049 VOLTAGE RATING: 690/1000V NUMBER CORE: 4x2.5mm2 INSULATION MATERIAL: XLPE/LSZH/GSWA/LSZH LENGTH: travel: 8000mm CONDUCTOR MATERIAL: Cu Bản vẽ: TB2-SDC VP101-00HCB-M-M1A-MAN-0001 & TB2-SDC VP101-00HCB-E-M1A-DAS-0002	Diamond power	Cuộn	**10**	Báo Giá
4	31552026	Expanda cable	TYPE: IK545EL (RH) Part no.347354-0049 VOLTAGE RATING: 690/1000V NUMBER CORE: 4x2.5mm2 INSULATION MATERIAL: XLPE/LSZH/GSWA/LSZH LENGTH: travel: 8000mm CONDUCTOR MATERIAL: Cu Bản vẽ: TB2-SDC VP101-00HCB-M-M1A-MAN-0001 & TB2-SDC VP101-00HCB-E-M1A-DAS-0002	Diamond power	Cuộn	**10**	Báo Giá
7	33895055	Circuit breaker	TYPE: NSC100S 50A RATED LIGHTNING IMPULSE RATED SHORT CIRCUIT ADDITIONAL INFORMATION: BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-02HTB-I-M10-DGA-7002	Schneider	Cái	**3**	Báo Giá
9	34633093	Contactor	TYPE: A26-30-10 + CAL5-11 (230VAC) BRAND: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**14**	Báo Giá

duypx - 19:10 04/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

10	48820012	Rubber coupling	MODEL: MMS40 ADDITIONAL INFORMATION: Torsionally flexible claw couplings TYPE: MMS BRAND: Reiich-Kupplungen	Reiich-Kupplungen hoặc tương đương	Cái	**1**	Báo Giá
11	33898022	Brake coil	Brake coil hoist 15T Model: C-SM15-H12-ML BRAND: SUNGDO	SUNGDO hoặc tương đương	Cái	**1**	Báo Giá
12	33098018	Fuse & holder	MODEL: KF-32L/2A VOLTAGE RATING: 600 VAC SIZE: 10x38 mm CURRENT RATING: 32 A MANUFACTURER: Kakon TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074	Kacon	Cái	**2**	Báo Giá
17	33406025	Push Button	Combination Type: XB2-BA42C+ZB2-BZ101C Hole Diamete: 22mm BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HLD-I-M1A-DSD-0001	Schneider	Cái	**3**	Báo Giá
18	33406026	Push Button	MODEL: ZB2-BA3C+ZB2-BE101C MANUFACTURER: Schneider Electric ADDITIONAL INFORMATION: Contacts ZB2-BE101C Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HLD-I-M1A-DSD-0001	Schneider	Cái	**3**	Báo Giá
21	33406044	Push Button	TYPE: P.B.L(ON); ISPBL-D24R; DC 24V RED BRAND: ILSHIN INDUSTRIAL ELECTRIC Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	ILSHIN INDUSTRIAL ELECTRIC	Bộ	**3**	Báo Giá
22	33406045	Push Button	TYPE: P.B.L(OFF); ISPBL-D24G; DC 24V GREEN BRAND: ILSHIN INDUSTRIAL ELECTRIC Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	ILSHIN INDUSTRIAL ELECTRIC	Bộ	**3**	Báo Giá
27	33430011	Auxiliary contact	TYPE: 2CDS200922R0001 ADDITIONAL INFORMATION: Hãng SX: ABB Bản vẽ: TB2-PPE-00100-I-E1-DSD-0009	ABB	Cái	**2**	Báo Giá
28	33430013	Auxiliary relay	TYPE: GJH1213001R0405 MODEL: KC6-40E 220VDC ADDITIONAL INFORMATION: HSX: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001.00.IFC	ABB	Cái	**5**	Báo Giá
30	33430047	Auxiliary relay	TYPE: GJH1213001R0225 MODEL: KC6-22Z 220-240VDC ADDITIONAL INFORMATION: HSX ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**10**	Báo Giá
31	33430055	Auxiliary contact	TYPE: S2C-H11L PART No: 2CDS200936R0001 ADDITIONAL INFORMATION: HSX ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**12**	Báo Giá
32	33430060	Auxiliary contact	TYPE: 2CDS200912R0001F MODEL: S2C-H6R EJF ADDITIONAL INFORMATION: HSX ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**12**	Báo Giá
33	33430061	Auxiliary contact	TYPE: GJL1201330R0005 ABB MODEL: CAF6-20K ADDITIONAL INFORMATION: HSX ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**12**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

34	33430082	Auxilliary Contactor	TYPE: 3TH4022-0XM0 Siemens, Type 3TH 2NO+2NC, 220 V DC BRAND: SIEMENS Bản vẽ: TB2-PPE-00100-E-E1-DSU-0001	Siemens	Cái	**4**	Báo Giá
35	33805018	Miniature circuit breaker	TYPE: C60H MCB 3P-16A-10kA, 1NO Aux. Contact BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-01HCB-E-M1A-MTO-0002	Schneider	Cái	**9**	Báo Giá
36	33831001	Miniature Circuit Breaker	MODEL: S203-D16, 3P 16A ADDITIONAL INFORMATION: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002	ABB	Cái	**7**	Báo Giá
37	33895035	Miniature Circuit Breaker	TYPE: C65N 1P 2A C BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HLD-I-M1A-DSD-0001	Schneider	Cái	**3**	Báo Giá
38	33895036	Miniature Circuit Breaker	TYPE: C65N 1P 4A C BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HLD-I-M1A-DSD-0001	Schneider	Cái	**3**	Báo Giá
39	33895038	Miniature Circuit Breaker	Product ID: 2CDS252001R0104 MCB 400V 10kA 2 poles C 10A BRAND:ABB Bản vẽ: TB2-PPE-00100-I-E1-DSD-0002	ABB	Cái	**3**	Báo Giá
40	33895041	Isolating switch	TYPE: iC65N D25 4P BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-02HTB-I-M10-DGA-7002	Schneider	Cái	**1**	Báo Giá
41	33895048	Miniature Circuit Breaker	TYPE: OSMC32N2C1 (1A/2P) BRAND: Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7006	Schneider	Cái	**6**	Báo Giá
45	33895068	Miniature Circuit Breaker	TYPE: BKM 2P 20A BRAND: LS Bản vẽ: TB2-SDC.VP126-00HDE-E-M9-DAL-0003	LS	Cái	**5**	Báo Giá
46	33895075	Circuit Breaker	TYPE: BKM 2P 2A BRAND: LSIS Bản vẽ: TB2-SDC.VP123-00100-E-M3-SPC-0001	LSIS	Cái	**11**	Báo Giá
54	33895177	Circuit Breaker	TYPE: 140M-C2E-B40+140M-C-AFA11 Manufacturer: Allen Bradley Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001	Allen Bradley	Cái	**2**	Báo Giá
55	33895178	Circuit Breaker	TYPE: 140M-C2E-B63+ 140M-C-AFA11 Manufacturer: Allen Bradley Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001	Allen Bradley	Cái	**2**	Báo Giá
56	33895180	Residual Current Circuit Breaker with Overcurrent Protection (RCBO)	Model: DS-201 ELB 50/16A Brand: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	ABB	Cái	**1**	Báo Giá
57	33895183	Circuit Breaker	Model: MMS-32H+LA 11÷17A Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074	LS	Cái	**2**	Báo Giá
58	33895192	Circuit Breaker	TYPE: GV2-ME08C NSX Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00BKY-I-M12-DSD-0007	Schneider	Cái	**2**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

59	33895195	Molded Case Circuit Breaker	TYPE: iC60N 3P 32A (W/AUX. contact 1NO+1NC) NSX Schneider Bản vẽ: TB2-SDC.VP301-00CRL-E-E1-DSD-0003	Schneider	Cái	**1**	Báo Giá
60	33895196	Miniature Circuit Breaker	TYPE: 5SY5 220 2P 20A Manufacturer: Siemens Bản vẽ: TB2-SDC.VP301-00CRL-E-E1-DSD-0003	Siemens	Cái	**1**	Báo Giá
61	33895197	Miniature Circuit Breaker	TYPE: 5SY5 206 2P 6A (W/AUX. contact 1NO+1NC) Manufacturer: Siemens Bản vẽ: TB2-SDC.VP301-00CRL-E-E1-DSD-0003	Siemens	Cái	**1**	Báo Giá
62	33895198	Miniature Circuit Breaker	TYPE: 5SY5 204 2P 4A (W/AUX. contact 1NO+1NC) Manufacturer: Siemens Bản vẽ: TB2-SDC.VP301-00CRL-E-E1-DSD-0003	Siemens	Cái	**1**	Báo Giá
63	33895200	Circuit Breaker for auxiliary circuit protection	TYPE: FAZ-C6/2-DC 6A VOLTAGE RATING: 220VDC POLE: 2 Poles BRAND: EATON Bản vẽ: TB2-PPE-00100-E-E1-DSU-0003	Eaton	Cái	**4**	Báo Giá
64	33897011	Miniature Circuit Breaker	MODEL/PART NUMBER: S202M-K4UC Part number: 2CDS272061R0337 MANUFACTURER: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**14**	Báo Giá
65	33897012	Miniature Circuit Breaker	MODEL/PART NUMBER: S204M-K2UC Part number: 2CDS274061R0277 MANUFACTURER: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**14**	Báo Giá
66	33897013	Miniature Circuit Breaker	MODEL/PART NUMBER: S201P-K2 Part number: 2CDS281103R0277 MANUFACTURER: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**14**	Báo Giá
67	33897014	Miniature Circuit Breaker	MODEL/PART NUMBER: S201P-B6 Part number: 2CDS281103R0065 MANUFACTURER: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**14**	Báo Giá
68	33897015	Miniature Circuit Breaker	MODEL/PART NUMBER: S202M-K0.75UC Part number: 2CDS272061R0187 MANUFACTURER: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001	ABB	Cái	**14**	Báo Giá
69	33897021	Moulded Case Circuit Breakers	MODEL/PART NUMBER: MCCB 30/3A ABE33 MANUFACTURER: LSIS Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LSIS	Cái	**2**	Báo Giá
71	33897033	Residual Current Circuit Breaker with Overcurrent Protection (RCBO)	TYPE: HIRD32 3PG5S0000C 00002C (Ratting 2A) + AUX M63-N + ALT M63-N Bản vẽ: TB2-SDC.VP301-00CRL-E-E1-DSD-0003	Huyndai	Cái	**16**	Báo Giá
72	33897035	Cell switch	Mechanical mechanism of Cell Switch for LSIS Metasol ACB. Contact number: 8C: 2 Disconnected +2Tes +4 Connected AC: 125/250/460VDC: 30/125/250VADDITIONAL INFORMATION: Contact number: 8C: 2 Disconnected +2Test +4 Connected Bản vẽ: TB2-SDC.VP306-00100-E-E2-DAS-0001	LSIS	Bộ	**2**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

73	33895206	Circuit Breaker	TYPE: 072736 Des: int. PKZM0-2.5 (1,6:2,5A) BRAND: EATON Bản vẽ: TB2-PPE-00100-E-E1-DSU-0003	Eaton	Cái	**4**	Báo Giá
74	33897048	Circuit Breaker	TYPE: 263189 Des: PLN4-C6/1N 6A MANUFACTURER: Schneider Bản vẽ: TB2-PPE-00100-E-E1-DSU-0003	Eaton	Cái	**4**	Báo Giá
77	34220027	Moulded Case Circuit Breakers	TYPE: MCCB; MBE 33; 30/5A Hãng LSIS Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LSIS	Cái	**1**	Báo Giá
78	34276001	Spring charging motor	Input voltage(V): AC/DC 200~250V Load current(max.): 0,5 A Max Starting current(Max.): 5 times of load current Load rpm(Motor): 15000 ~ 19000 rpm Charge time: Less than 5sec; Dielectric strength: 2kV/min Using temperature range: -20。 ~ 60。 Using humidity range: Max. RH 80% (No dew condensation) Lot No: 140807 BRAND: LS Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DAS-0001 Rev.0	LS	Cái	**1**	Báo Giá
79	34288001	Surge Arrester	TYPE: PSB24G VOLTAGE RATING: 27.5kV AMPERAGE RATING: 20kA ADDITIONAL INFORMATION: Ur: 32kV Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DAS-0001 Rev.0	Alstom	Bộ	**1**	Báo Giá
80	34613012	Mini Contactor	MINICONTACTOR B7D-40-00 220VDC Product ID: GJL1317201R0005 Manuf.: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001.00.IFC	ABB	Cái	**12**	Báo Giá
81	34613015	Contactor	TYPE: A12-30-01+ CAL5-11, 230VAC POLE: 3P BRAND: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
82	34613016	Contactor	TYPE: MC-40a AC230V 50Hz POLE: 3P BRAND: LS Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LS	Cái	**2**	Báo Giá
83	34613020	Contactor	TYPE: GMC-9 + UA-2(1a1b) AC230V 50Hz BRAND: LS Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074	LS	Cái	**2**	Báo Giá
85	34613035	Contactor	GMC-22b + UA-4(2a2b), AC230V 50Hz Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074 Rev0	LS	Cái	**2**	Báo Giá
86	34619001	Circuit Breaker	TYPE: 5SY4513-7 230V 10KA, 1+N-POLE, C, 13A, D=70MM Bản vẽ: TB2-FLS-00EAA01-05-E-M2-DWD-0001	Siemens	Cái	**3**	Báo Giá
87	33895205	Circuit Breaker	TYPE: S202-K10 2P, 10A TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá

duypx - 19:10 04/04/2026

88	33895204	Circuit Breaker	TYPE: S203- D32 3P, 32A Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
89	34633007	Contactor	MODEL: MC-50a , AC230V Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LS	Cái	**3**	Báo Giá
90	34633008	Contactor	MODEL: MC-32a Bản vẽ: TB2-SDC.VP123-00100-E-M3-SPC-0001	LS	Cái	**8**	Báo Giá
91	34633009	Contactor	TYPE: A75-30-11 + CA5-22N POLE: 3 PHASE: 3 BRAND: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
93	34633016	Contactor	COIL VOLTS: 230VAC TYPE: A12-30-10 Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
94	34633018	Contactor	TYPE: A9-30-10 + CA5-22N Per contactor Coil Volts: 230 VAC Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
95	34633020	Contactor	TYPE: LC1D25...C + LAN22C Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7508	Schneider	Cái	**3**	Báo Giá
96	34633025	Contactor	TYPE: A9-30-10 + CAL5-A11 per contactor Coil voltge: 230 VAC Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
97	34633026	Contactor	TYPE: A16-30-01 + CA5-22N Coil voltge: 230 VAC Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002	ABB	Cái	**8**	Báo Giá
98	34633028	Contactor	TYPE: A9-30-01 + CAL5-11 Per contactor Coil voltge: 230 VAC Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002	ABB	Cái	**8**	Báo Giá
99	34633034	Contactor	TYPE: A26-30-10 + CA5-22N Coil voltge: 400 VAC Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002	ABB	Cái	**13**	Báo Giá
100	34633040	Contactor	TYPE: A145-30-11+ CAL5-A11 Coil voltge: 400 VAC Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
101	34633045	Contactor	Type: MC-12b, 1NO+1NC, 12A, 3P BRAND: LSIS Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001_Rev1	LSIS	Cái	**2**	Báo Giá
103	34633047	Contactor	TYPE: MC-85a Contactor MC-85a, 85A, 45kW, tiếp điểm 2a2b BRAND: LS TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LS	Cái	**3**	Báo Giá
104	34633049	Contactor	TYPE: MC-18b BRAND: LS Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LS	Cái	**3**	Báo Giá
105	34633050	Contactor	TYPE: MC-22b BRAND: LSIS Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LSIS	Cái	**3**	Báo Giá
106	34633056	Contactor	TYPE: LC1-D38P7C AC230V, 38A Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00BKY-I-M12-DSD-0004_Rev1	Schneider	Cái	**6**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

107	34633057	Contactor	TYPE: LC1-D115P7C; 230VAC, 115A Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00BKY-I-M12-DSD-0003_Rev2	Schneider	Cái	**1**	Báo Giá
109	34633063	Contactor	Type: DILM12-10, 220vdc TB2-PPE-00100-E-E1-DSU-0003_DS drawings_rev0	Eaton	Cái	**4**	Báo Giá
114	34633085	Miniature circuit breaker	TYPE: 48-440V AC/DC ,13A (1NO+1NC) Bản vẽ: TB2-PPE-00100-E-E1-DSU-0001_CB drawings_revB	SIEMENS	Cái	**4**	Báo Giá
116	34639007	Contactor	TYPE: MC- 32a AC 230V 50HZ Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001 RevC	LS	Cái	**1**	Báo Giá
118	35001009	Over/Undervoltage - Phase Sequence Relay	MODEL/PART NUMBER: RM4TR32 Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-01HCB-E-M1A-MTO-0001_RevB	Schneider	Cái	**6**	Báo Giá
119	35003009	Electronic Over Current Relay (EOCR)	MODEL/PART NUMBER: HDER-SS-05 R 48 CURRENT FRAME/TRIP: 0.5-6/6.5A; Start(D-TIME): 0.2-30s; Trip(O-TIME): 0.2-10s NUMBER OF CONTACTS: 1 Contact MANUFACTURER: HDER ADDITIONAL INFORMATION: Power supply: 48VAC±15%-50/60Hz; Output relay: 3A/250VAC	HDER-SS	Cái	**5**	Báo Giá
120	35003010	Electronic Over Current Relay (EOCR)	MODEL/PART NUMBER: HDER-SS-30 R 48 CURRENT FRAME/TRIP: 3-30/35A; Start(D-TIME): 0.2-30s; Trip(O-TIME): 0.2-10s NUMBER OF CONTACTS: 1 Contact MANUFACTURER: HDER ADDITIONAL INFORMATION: Power supply: 48VAC±15%-50/60Hz; Output relay: 3A/250VAC	HDER-SS	Cái	**5**	Báo Giá
121	35056017	Relay	TYPE: RXM4AB2BD+RXZE2S114M Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-02HTB-I-M10-DGA-7002	Schneider	Bộ	**1**	Báo Giá
122	35056018	Auxilary relay	Model: SZR-MY4- N1 24VDC Bản vẽ: TB2-SDC.VP126-00HDE-E-M9-DAL-0003	Honeywell	Cái	**6**	Báo Giá
123	35056019	Auxilary relay	Type: HH54P-L Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7508	MIND	Cái	**2**	Báo Giá
124	35068008	Overload relay	Model: TA25DU14, setting rage: 10~14A Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**2**	Báo Giá
125	35068011	Overload relay	Model: TA25DU4.0 setting rage: 2.2-4.0A Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
126	35068020	Thermal relay	Model: TA25DU25 Setting rage: 18-25A Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001	ABB	Cái	**1**	Báo Giá
127	35068042	Thermal relay	Type: LRD08C Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7508	Schneider	Cái	**4**	Báo Giá
128	35068048	Electronic Over Current Relay (EOCR)	Type: EOCR-3BZ2 Bản vẽ: TB2-SDC.VP123-00100-E-M3-SPC-0001_RevA	Schneider	Cái	**7**	Báo Giá
129	35068049	Thermal Overload Relay	MODEL: LRD05 3P-0.63~1A, 1NO/1NC Aux. Contact Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-01HCB-E-M1A-MTO-0001_RevB	Schneider	Cái	**7**	Báo Giá
130	35084016	Electronic Over Current Relay (EOCR)	TYPE: IMP-C-A420; AC 230V ,50HZ Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	LSIS	Cái	**11**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

131	33430019	Groud fault relay	TYPE: RH21M, AC230V Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00BKY-I-M12-DSD-0109 REV.A	Schneider	Cái	**1**	Báo Giá
132	35085005	Contactor Relay	MODEL: MR-4 4a, DC 220V Bản vẽ: TB2-SDC.VP305-00BBA-E-E2-DSD-0002_Rev 0	LS	Cái	**12**	Báo Giá
133	35085007	Contactor Relay	TYPE: MR-4 (3NO+1NC) Bản vẽ: TB2-SDC.VP306-01100-E-E2-DSD-0001_Rev.3	LS	Cái	**17**	Báo Giá
134	35085012	Control current Relay	TYPE: RM35JA32MW Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	Schneider	Cái	**2**	Báo Giá
135	35085013	Phase control Relay	MODEL: RM35TF30 Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	Schneider	Cái	**2**	Báo Giá
136	35085025	Instantaneous relay	TYPE: 700-K40Z-ZA, 4N0 DC, 220V Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	Allen Bradley	Cái	**4**	Báo Giá
137	35085044	Instantaneous relay	MODEL: 700-K22Z-ZA; 2NO + 2NC, 220V DC Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	Allen Bradley	Cái	**2**	Báo Giá
138	35085046	Latching relay	Part Number: BF-4BB-220VDC & FN-DE-IP10 Latching relay 4NO 4NC Bản vẽ: TB2-PPE-00100-I-E1-DSD-0003 Detail secondary drawing & Terminal diagram for F6 Diameter	ARTECHE	Bộ	**2**	Báo Giá
139	35089007	Time Relay	TYPE: JS14P Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7508	Chint	Cái	**4**	Báo Giá
140	35089009	Time Relay	Type: ETR4-70-A AC: 24-240V DC: 24-240V Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-01HCB-E-M1A-MTO-0001	Eaton Moeller	Cái	**4**	Báo Giá
141	35089011	Timer	TYPE: KTM-AM8 AC 230V Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001 RevB	KOINO	Cái	**7**	Báo Giá
142	35089021	Time delay relay	TYPE: 700-FSM4 Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	Allen Bradley	Cái	**4**	Báo Giá
143	35089022	Timer	TYPE: H3Y-4 Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7006	OMRON	Cái	**2**	Báo Giá
144	35089025	Timer	TYPE: H3BA-N, AC230V 50Hz Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074_Rev1	OMRON	Cái	**2**	Báo Giá
145	35089030	Timer	TYPE: H3CR-H MODEL/PART NUMBER: H3CR-H Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074_Rev1	OMRON	Cái	**2**	Báo Giá
146	35090011	Electrical over current Relay	TYPE: GMP22-2P-5A MANUFACTURER: LS Hàn Quốc Bản vẽ: TB2-SDC.VP117-00GBK-I-M3-DSE-0114 Rev.5	LS	Cái	**12**	Báo Giá
147	35090024	Relay base	TYPE: RXZE2M114M Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HLD-I-M1A-DSD-0001_Rev2	Schneider	Cái	**5**	Báo Giá
148	35090025	Locking magnet	Un: 24-30-48-60-110-125...127-220-230...240V~50Hz Operating limits: 80...110%Un Power on inrush (Ps): DC=250W; AC=250VA Continuous power (Pc): DC=5W; AC=5VA Inrush duration: approx.150ms MANUFACTURER: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP305-00100-E-E2-LST-0004_Rev.0 maual MV	ABB	Cái	**10**	Báo Giá
149	35312009	Current transformer	MODEL: US-5 750/1A 15VA MANUFACTURER: Kyungbo Bản vẽ: TB2-SDC.VP126-00HDE-E-M9-SPC-0001_Rev1	Kyungbo	Cái	**2**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

150	35610021	Transformer	MODEL: SR42-300 SECONDARY VOLTAGE: 230VAC PRIMARY VOLTAGE: 400VAC ELECTRICAL POWER: 300VA MANUFACTURER: SUNREX Bản vẽ: TB2-SDC.VP123-00100-E-M3-SPC-0001 Rev.1	SUNREX	Cái	**3**	Báo Giá
151	35610024	Transformer	TYPE: JBK3-1600 FREQUENCY: 50/60Hz SECONDARY VOLTAGE: 6..12..24..36..110..127..220 VAC PRIMARY VOLTAGE: 220/380 VAC ELECTRICAL POWER: 1600VA MANUFACTURER: Chint Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0001_Rev3	Chint	Cái	**4**	Báo Giá
152	35610033	Transformer	TYPE: WY42-1KAW 400/230VAC, 1KVA,50Hz,1Ph PHASE: 1 pha MANUFACTURER: Woonyoung MODEL/PART NUMBER: WY42-1KAW Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074_Rev1	WOONYOUNG	Cái	**2**	Báo Giá
153	35691032	Transformer	MODEL: JBK3-40, AC400/230V, 40VA MANUFACTURER: FATO Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002_Rev1	FATO	Cái	**9**	Báo Giá
154	35691033	Transformer	MODEL: JBK3-500, AC400/230V, 500VA MANUFACTURER: FATO Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0002_Rev1	FATO	Cái	**5**	Báo Giá
155	35691036	Power Supply	MODEL: MINI-PS-100-240AC/24DC/1 PART NUMBER: 2938840 MANUFACTUER: phoenix contact Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	Phoenix	Cái	**6**	Báo Giá
156	35691046	Power Supply	MODEL: WYNSP-150S24A MANUFACTUER: WOONYOUNG Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001 Rev.	WOONYOUNG	Cái	**3**	Báo Giá
157	36656001	Fluorescent Lamp	Fluorescent Lamp RIL60; 230V 11W MANUFACTUER: Run Electric Bản vẽ: TB2-SDC.VP124-00AWB-I-M1A-DRD-0001	Run Electric	Cái	**3**	Báo Giá
158	36698003	Fluorescent Lamp	TYPE: KCL-100 WATTS: 20W VOLTAGE RATING: 230 VAC MANUFACTUER: Kacon Bản vẽ: TB2-SDC.VP126-00HDE-E-M9-DAL-0003	Kacon	Cái	**20**	Báo Giá
159	38304154	Time Module	MODEL: 700-HT3 PART NUMBER: 1000037946 Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001.00.IFC	Allen Bradley	Cái	**10**	Báo Giá
160	38304208	Tube Base Relay	MODEL: 700-HA33Z2-3 DC220V PART NUMBER: E6405540717 VOLTAGE RATING: DC220V BRAND NAME: Allen Bradley Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001.00.IFC	Allen Bradley	Cái	**5**	Báo Giá
161	38464001	Montage diodes	TYPE: EMG 90-DIO 32M SPECIAL FEATURES: 32 diodes, common anodes Bản vẽ: TB2-SDC.VP303-00BAC-E-E2-DWD-0001 Rev.0	PHOENIX CONTACT	Bộ	**2**	Báo Giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

162	38474001	Suppressor Diode	TYPE: RD-RD7/250 Part number: GHV2501910R0001 BRAND: ABB Bản vẽ: TB2-FLS-00BBA21-E-M2-DWD-0001.00.IFC	ABB	Cái	**12**	Báo Giá
163	39513002	Hoist switch	MODEL: KG-H06EAAA AMPS: 6A OPERATING VOLTAGE: Up to 250V AC MANUFACTUER: KG - Korea	KGAUTO	Cái	**1**	Báo Giá
164	39516005	Terperature controller	MODEL: PXR5NERFV000 TYPE: PXR5 DIMENSION: 48 × 96mm Screw terminal type INPUT: Resistance bulb Pt100 3-wire type ˚C OPERATING VOLTAGE: 100 to 240V AC OUTPUT: 4 to 20mA DC output RANGE: -150 to 850°C Manufaturer: Fuji Electric Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00BKY-I-M12-DSD-0014_Rev2	Fuji Electric	Cái	**2**	Báo Giá
165	39545001	Variable frequency drive	MODEL: ACS510-01-07A2-4 VOLTAGE RATING: 380...480VAC OUTPUT POWER: 3kW POWER SUPPLY: 3kW MANUFACTUER: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00100-I-M1A-DSU-5501 Rev0	ABB	Cái	**13**	Báo Giá
166	39545003	Variable frequency drive	MODEL: ACS550-01-059A-4+B055 PART NUMBER: 3AUA0000004248-D VOLTAGE RATING: Output voltage: 0-500VAC, 3Phases OUTPUT POWER: 30 kW POWER SUPPLY: 380 - 500VAC, 3 Phases AMPERAGE RATING: 59 A MANUFACTUER: ABB ADDITIONAL INFORMATION: Degree of Protection: IP21; Frequency (f): 47.5 - 63 Hz Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFC-I-M1A-DSD-0003_Rev1	ABB	Cái	**4**	Báo Giá
167	39545011	Variable frequency drive	MODEL: ACS550-01-045A-4 VOLTAGE RATING: 3P AC380V~480V OUTPUT POWER: 22kW POWER SUPPLY: 400VAC MANUFACTUER: ABB bản vẽ: TB2-SDC.VP101-02HTB-I-M10-DGA-7002-GGH	ABB	Cái	**2**	Báo Giá
168	47046001	Spider coupling	Vòng đệm Rotex 24 BRAND: KTR/Germany	Rotex	Cái	**25**	Báo Giá
169	47046004	Spider coupling	Vòng đệm Rotex 42 BRAND: KTR/Germany	Rotex	Cái	**9**	Báo Giá
170	51615001	Variable frequency drive	TYPE: SV004IG5A-4 Hãng sản xuất: LS Công suất: 0.4kW Điện áp ngõ vào: 3 Pha 380V Bản vẽ: TB2-SDC.VP117-00GBK-I-M3-DSE-0114 Rev.5	LS	Cái	**1**	Báo Giá

duypx - 19:10 04/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 840/CV-PTM/2026

171	51615002	Variable frequency drive	TYPE: SV015IG5A-4 SIZE: N/A INPUT VOLTAGE: 380VAC BRAND: LS Bản vẽ: TB2-SDC.VP109-00PBB-E-M4-DSU-0074_Rev1	LS	Cái	**1**	Báo Giá
172	51886006	Motor operator (-MS)	Motor operator (-MS) Un: 100-130-220...250V~50Hz Operating limits: 85...110%Un; ≤ 31.5kA Power on inrush (Ps): DC=500W; AC=500VA Rated power (Pn): DC=200W; AC =200VA Inrush duration: approx.0.2s Charging time: 4-5s; sulating voltage: 2000V 50Hz (1min)BRAND: ABB Bản vẽ: TB2-SDC.VP305-00100-E-E2-LST-0004_Rev.0	ABB	Cái	**2**	Báo Giá
173	87390008	Transformer rectifier panel	TYPE: 4C 4M 4F MODEL/PART NUMBER: 15870 MANUFACTURER: EEME-Singapore ADDITIONAL INFORMATION: Số pha: 3; Tần số: 50HZ Nhiệt độ cao nhất: 100 °C Trọng lượng tủ: 515 Kg Nguồn điện vào: 400VAC, Nguồn điện ra: 50VDC, Bản vẽ: TB2-VPIC-00100-E-M4-DCP-0001	EEME	Tủ	**1**	Báo Giá
174	51831018	Dry-type slag conveyer motor	MOTOR; ASYNCHRONOUS 3-PHASE AC ELECTRIC PHASE: 3 Phases POWER RATING: 30 kW VOLTS: 400/690 (Δ/Y) AMPS: 59/34 A HERTZ: 50Hz CONNECTION DIAGRAM: (Δ/Y) EFFICIENCY: 50 Hz ADDITIONAL INFORMATION: Manufactor: SEW motor Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0225 Rev0	SEW motor	Cái	**1**	Báo Giá
175	51831019	Cleaning conveyor motor	MOTOR; ASYNCHRONOUS 3-PHASE AC ELECTRIC PHASE: 3 Phases RPM: 1445 r/min POWER RATING: 5.5 kW VOLTS: 400V (Δ)/ 690V(Y) AMPS: 11,6A/6,7A HERTZ: 50Hz CONNECTION DIAGRAM: (Δ/Y) EFFICIENCY: 50 Hz Manufactor: SEW motor Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0224 Rev0	SEW motor	Cái	**1**	Báo Giá
176	38806034	Capacitor	TYPE: CBB60 CAPACITY: 25µF VOLTAGE RATING: 450 VAC BRAND: SENJU	SENJU	Cái	**8**	Báo Giá

duypx - 19:10 04/04/2026

177	51886004	Motor	Động cơ băng tải làm sạch máy cấp than Type: MN80S6 Hãng: Simens Điện áp: 380/420; Y; 50HZ Dòng điện: 1,20 A; 0,37 KW; 890 r/min Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HFB-M-M1A-DAS-5001 Rev0	Siemens	Cái	**5**	Báo Giá
178	51894002	DC axial compact fan	MODEL: 6318 /2 TDHHP MANUFACTURER: Ebmpapst DIMENSION: Ø172 x 51 mm Voltage: 48VDC Current: 2.65A Power: 127W	Ebmpapst	Cái	**2**	Báo Giá
179	51898045	Fan	TYPE: G180A 3P RATED VOLTAGE: 400VAC RATED CURRENT: 0.3A POWER RATING: 125W FREQUENCY RATING: 50Hz ADDITIONAL INFORMATION: Speed: 1300r/min BRAND: STEGO Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00BKY-I-M12-DSD-0367 RevA	STEGO	Cái	**6**	Báo Giá
180	33085006	Primary Fuse	Type: CMF; 12kV; 63A; 1YMB531030M0001 Old No: NHPL052776R1 Bản vẽ: TB2-SDC.VP305-00100-E-E2-LST-0004_Rev.0 maual MV	ABB	Cái	**3**	Báo Giá
181	33897057	Power module	Mã 1VCR000993G00011VC114008040107 voltage: 220...250 Vac/DC Bản vẽ: TB2-SDC.VP305-00100-E-E2-LST-0004_Rev.0 maual MV TB2-SDC.VP305-00100-E-E2-MAN-0003_Rev 0	ABB	Cái	**1**	Báo Giá
182	34633054	Contactor	TYPE: LC1D09M7C+LADN20C Bản vẽ: TB2-SDC.VP101-00HTK-I-M10-DGA-7508	Schneider	Cái	**2**	Báo Giá

duypx - 19:10 04/04/2026